TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1470/2023/DS-ST.

Ngày: 01-08-2023.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thúy Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Phủ,

2. Bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Giang, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 30 tháng 6 năm 2023, ngày 04 tháng 7 năm 2023 và ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 92/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 04 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 835/2023/QĐST-DS ngày 19 tháng 05 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 169/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 238/2023/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **VTNT,** sinh năm 1979,

Số CCCD: 052XXXXXX461.

Địa chỉ: 02 Đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông NHT, sinh năm 1986, số CCCD: 079XXXXXX820, địa chỉ: 67 Đường K, Phường C, Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 16/12/2022 lập tại Văn phòng Công chứng M, số công chứng 00XXXX06 Quyển số 08/2022TP/CC-SCC/HĐGD).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông TVT, Luật sư của Văn phòng Luật sư S – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà **TTTH,** sinh năm 1974,

Số CCCD: 036XXXXXX530.

Địa chỉ: Căn hộ S1 Dự án P, số 90 Đường N, Phường E, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **NTTT,** sinh năm 1979,

Số CCCD: 052XXXXXX533.

Địa chỉ: 02 Đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà VTNT, có ông NHT là đại diện trình bày:*

Từ tháng 12/2016 đến tháng 03/2020, bà TTTH có vay tiền của vợ chồng nguyên đơn bà VTNT, với mục đích để kinh doanh, lãi suất do bà TTTH tự đưa ra là 2,5%/tháng. Số tiền vay được giao thành nhiều lần thông qua chuyển khoản ngân hàng. Chồng bà TTTH tên NNH có biết việc vay tiền của bà TTTH đối với vợ chồng chúng tôi vì vợ chồng bà VTNT và vợ chồng bà TTTH ông NNH có mối quan hệ thân thiết, xem nhau người nhà nên vợ chồng bà VTNT đã cho vợ chồng bà TTTH ông NNH vay tiền.

Thực hiện hợp đồng, bà TTTH có chuyển khoản trả tiền lãi hàng tháng, ng đến tháng 09/2020, bà TTTH đã không trả bất kỳ khoản tiền lãi hay tiền gốc nào. Vợ chồng bà VTNT có liên hệ vợ chồng bà TTTH để yêu cầu trả lại khoản tiền đã vay ng vợ chồng bà TTTH đã yêu cầu gia hạn thời gian trả, rồi sau đó là cắt liên lạc.

Vì vậy tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà VTNT khởi kiện bà TTTH yêu cầu bà TTTH và ông NNH cùng liên đới trả cho bà VTNT và NTTT số tiền vay còn thiếu là 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng) và tiền lãi theo lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 cho đến khi trả xong nợ (tạm tính đến ngày 15/12/2022, tiền lãi là 13.279.260.000 đồng, tổng số tiền là 63.279.260.000 đồng).

** Ông NTTT trình bày:*

Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà VTNT, ông xác định số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng ông.

** Ông TVT, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*, đề nghị chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà VTNT yêu cầu bà TTTH trả ngay cho vợ chồng bà VTNT, ông NTTT số tiền vay còn thiếu và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn bà TTTH*:

Bà TTTH và ông NNH đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 12/04/2023 và 26/04/2023 nhưng bà TTTH và ông NNH không đến làm việc và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn bà TTTH và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NNH.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh*:

Nguyên đơn VTNT khởi kiện yêu cầu trả tiền gốc và tiền lãi đối với bà TTTH, cư trú tại quận Bình Thạnh, nên Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà VTNT yêu cầu bà TTTH trả số tiền còn thiếu bao gồm tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật; bị đơn bà TTTH phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà VTNT khởi kiện bà TTTH yêu cầu trả ngay số tiền vay gốc còn thiếu là 37.949.500.000 đồng (Ba mươi bảy tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi được tính theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm vì mức lãi suất thỏa thuận của hai bên không phù hợp với quy định của pháp luật (tạm tính tiền lãi đến ngày 01/08/2023 là 14.872.150.819 đồng).

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét nguyên đơn bà VTNT khởi kiện yêu cầu trả số tiền vay và tiền lãi còn thiếu đối với bà TTTH, cư trú: Căn hộ S1 Dự án P, 90 Đường N, Phường E, quận Bình Thạnh phù hợp với kết quả trả lời của Công an Phường E, quận Bình Thạnh theo

Quyết định số 33/2023/QĐ-CCTLCC ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh và Văn bản số 3387/CAQ-QLHC ngày 21/07/2023 của Công an quận Bình Thạnh, nên căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây tranh chấp dân sự liên quan đến giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về xác định tư cách tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà VTNT xác định yêu cầu khởi kiện đối với cá nhân bà TTTH, không yêu cầu trách nhiệm liên đới vợ chồng của bà TTTH và ông NNH vì giao dịch vay trả tiền giữa bà VTNT và bà TTTH được thực hiện thông qua giao dịch chuyển khoản của tài khoản cá nhân được mở tại ngân hàng. Căn cứ Điều 5, khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà VTNT không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của chồng bà TTTH nên không cần làm rõ mối quan hệ vợ chồng giữa bà TTTH và ông NNH và không đưa ông NNH vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại các bản tự khai, ông VHT, bà NTD, ông VHD đều xác định: Các ông bà đưa cho bà VTNT mượn bằng cách giao tiền mặt trực tiếp, không biết những giao dịch cho vay được thực hiện bằng ủy nhiệm chi hoặc chuyển khoản từ bà VTNT đến bà TTTH theo nội dung ghi trong giao dịch ngân hàng nên có đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng giải quyết tranh chấp tiền vay giữa bà VTNT và bà TTTH. Xét ông VHT, bà NTD, ông VHD không có yêu cầu liên quan đến số tiền cho vay giữa bà VTNT và bà TTTH, đồng thời có yêu cầu không tham gia tố tụng nên căn cứ khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, không đưa ông VHT, bà NTD, ông VHD vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Xét bị đơn bà TTTH đã được Toà án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt tại phiên toà được triệu tập lần thứ hai mà không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn VTNT hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà TTTH.

[4] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà VTNT xác định việc cho bị đơn bà TTTH vay tiền được thực hiện thông qua chuyển khoản đến tài khoản số 55XXXX39 của bà TTTH, số căn cước công dân: 036XXXXXX530, được mở tại Ngân hàng TMCP D, và cung cấp các bảng sao kê của các tài khoản của bà VTNT đã thực hiện.

Theo kết quả của Ngân hàng TMCP D cung cấp tài liệu, chứng cứ ngày 20/06/2023 và 10/07/2023 về thông tin tài khoản cá nhân, có đủ cơ sở xác định bà TTTH, sinh ngày 25/01/1974, nguyên quán: Thị trấn G1 - huyện T1 - tỉnh Đ, mở tài khoản số 55XXXX39 (ngày hiệu lực: 24/02/2009) với chứng minh nhân dân số 16XXXXX15 ngày 11/09/1997 cấp bởi Công an tỉnh Đ và sau đó được bà TTTH đề nghị thay đổi thông tin lần lượt sau:

- Theo giấy đề nghị thay đổi thông tin ngày 11/02/2011, thay đổi nơi thường trú và giấy tờ tùy thân sang chứng minh nhân dân số 02XXXXX01 cấp ngày 31/05/2010 tại Công an Thành phố Hồ Chí Minh (kèm theo Sổ hộ khẩu số 12XXXXX89 có trang 17 điều chỉnh số chứng minh nhân dân của bà TTTH ngày 31/05/2010).

- Theo giấy đề nghị thay đổi thông tin ngày 23/03/2018, thay đổi giấy tờ tùy thân sang số căn cước công dân là 036XXXXXX530 (kèm theo Giấy xác nhận số chứng minh nhân dân ngày 15/03/2018 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh).

Tại Văn bản số 3387/CAQ-QLHC ngày 21/07/2023, Công an quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông tin: *Bà TTTH, sinh ngày 25/01/1974, nơi sinh: thành phố Đ, địa chỉ: Căn hộ S1 Dự án P, số 90 Đường N, Phường E, quận Bình Thạnh đã được Công an quận Bình Thạnh cấp đổi ngày 22/11/2021 từ căn cước công dân mã vạch sang căn cước công dân gắn chip số 036XXXXXX530*.

Từ đó, có đủ cơ sở kết luận bị đơn bà TTTH là chủ tài khoản số 55XXXX39 được mở tại Ngân hàng TMCP D.

Căn cứ bảng sao kê tài khoản số 55XXXX39 của bà TTTH thể hiện các giao dịch ngân hàng ghi có và ghi nợ với các tài khoản của bà VTNT được mở tại Ngân hàng TMCP D, Ngân hàng TMCP G, Ngân hàng TMCP H, với nội dung …*tiền cho bà TTTH mượn* và *trả tiền lãi hàng tháng nhà VTNT*, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định các hợp đồng vay tiền có trả lãi không có thời hạn giữa bà VTNT và bà TTTH đã được giao kết phù hợp với quy định tại Điều 122, Điều 123, Điều 124 và Điều 471 Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 (tương ứng với Điều 117, Điều 118, Điều 119 và Điều 463 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015).

[4.1] Về yêu cầu liên quan đến tiền gốc còn thiếu:

Thực hiện hợp đồng, bà VTNT đã thực hiện các giao dịch ngân hàng chuyển cho bà TTTH tổng số tiền vay là 47.449.500.000 đồng (Bốn mươi bảy tỷ bốn trăm bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng), cụ thể:

- Ngày 19/12/2016, thực hiện một giao dịch chuyển 975.000.000 đồng (Chín trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 06/02/2017, thực hiện một giao dịch chuyển 682.000.000 đồng (Sáu trăm tám mươi hai triệu đồng).

- Ngày 16/02/2017, thực hiện một giao dịch chuyển 292.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu đồng).

- Ngày 27/02/2017, thực hiện một giao dịch chuyển 2.925.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 03/03/2017, thực hiện một giao dịch chuyển 482.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi hai triệu đồng).

- Ngày 03/5/2017, thực hiện một giao dịch chuyển 965.000.000 đồng (Chín trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 16/5/2017, thực hiện một giao dịch chuyển 2.925.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 20/6/2017, thực hiện năm giao dịch chuyển tổng cộng 1.960.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng).

- Ngày 31/7/2017, thực hiện sáu giao dịch chuyển tổng cộng 2.860.000.000 đồng (Hai tỷ tám trăm sáu mươi triệu đồng).

-Ngày 16/01/2018, thực hiện một giao dịch chuyển 1.950.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 15/3/2018, thực hiện một giao dịch chuyển 975.000.000 đồng (Chín trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 16/5/2018, thực hiện một giao dịch chuyển 1.267.500.000 đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ngày 05/6/2018, thực hiện một giao dịch chuyển 1.463.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm sáu mươi ba triệu đồng).

- Ngày 30/7/2018, thực hiện hai giao dịch chuyển tổng cộng 480.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng).

- Ngày 31/7/2018, thực hiện mười giao dịch chuyển tổng cộng 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng).

- Ngày 01/8/2018, thực hiện hai giao dịch chuyển tổng cộng 368.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tám triệu đồng).

- Ngày 29/10/2018, thực hiện năm giao dịch chuyển tổng cộng 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng).

- Ngày 30/10/2018, thực hiện một giao dịch chuyển 8.200.000.000 đồng (Tám tỷ hai trăm triệu đồng).

- Ngày 16/01/2019, thực hiện bảy giao dịch chuyển tổng cộng 1.950.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 13/02/2019, thực hiện bốn giao dịch chuyển tổng cộng 973.000.000 đồng (Chín trăm bảy mươi ba triệu đồng).

- Ngày 17/4/2019, thực hiện bảy giao dịch chuyển tổng cộng 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

- Ngày 14/5/2019, thực hiện bốn giao dịch chuyển tổng cộng 1.075.000.000 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 14/6/2019, thực hiện hai giao dịch chuyển tổng cộng 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

- Ngày 15/6/2019, thực hiện năm giao dịch chuyển tổng cộng 1.375.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 17/6/2019, thực hiện bốn giao dịch chuyển tổng cộng 975.000.000 đồng (Chín trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 15/10/2019, thực hiện chín giao dịch chuyển tổng cộng 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng).

- Ngày 16/11/2019, thực hiện một giao dịch chuyển 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 03/02/2020, thực hiện hai giao dịch chuyển tổng cộng 482.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi hai triệu đồng).

- Ngày 14/02/2020, thực hiện bảy giao dịch chuyển tổng cộng 1.950.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 13/3/2020, thực hiện một giao dịch chuyển 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Về việc trả tiền gốc, bị đơn bà TTTH đã thực hiện chuyển khoản trả cho bà VTNT một phần tiền vay gốc là 9.500.000.000 đồng (Chín tỷ năm trăm triệu đồng), cụ thể sau:

- Ngày 16/10/2018, chuyển trả tiền vay gốc 5.500.000.000 đồng (Năm tỷ năm trăm triệu đồng).

- Ngày 17/12/2018, chuyển trả tiền vay gốc 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

- Ngày 14/01/2019, chuyển trả tiền vay gốc 1.500.000.000 đồng. (Một tỷ năm trăm triệu đồng)

- Ngày 14/03/2019, chuyển trả tiền vay gốc 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

Như vậy, số tiền gốc mà bà TTTH còn thiếu là 47.449.500.000 đồng – 9.500.000.000 đồng = 37.949.500.000 đồng (Ba mươi bảy tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng). Mặc dù bà VTNT nhiều lần yêu cầu bà TTTH trả toàn bộ số tiền vay gốc còn thiếu nêu trên ng đến nay, bà TTTH vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay.

Xét đến thời điểm xét xử, bị đơn bà TTTH không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay gốc còn thiếu 37.949.500.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 (tương ứng Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015), nên có đủ căn cứ chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà VTNT yêu cầu bị đơn bà TTTH trả số tiền gốc còn thiếu đến thời điểm xét xử là 37.949.500.000 đồng (Ba mươi bảy tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng). Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có cơ sở.

[4.2] Về yêu cầu tiền lãi:

Bị đơn bà TTTH đã thực hiện các giao dịch ngân hàng trả cho bà VTNT số tiền lãi tổng cộng là 24.327.500.000 đồng (Hai mươi bốn tỷ ba trăm hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), cụ thể vào các ngày sau:

- Ngày 16/01/2017, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 14/02/2017, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 14/3/2014, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

- Ngày 13/4/2017, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 15/5/2017, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 14/6/2017, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 17/7/2017, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

- Ngày 14/8/2017, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

- Ngày 14/9/2017, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 12/10/2017, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 14/11/2017, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 14/12/2017, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 16/01/2018, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 12/02/2018, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 425.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 14/3/2018, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 425.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 13/4/2018, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 15/5/2018, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 13/6/2018, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 512.500.000 đồng (Năm trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ngày 13/7/2018, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 575.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 14/8/2018, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 625.000.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 14/9/2018, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 687.500.000 đồng (Sáu trăm tám mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ngày 10/10/2018, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 15/11/2018, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 17/12/2018, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 775.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 14/01/2019, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 737.500.000 đồng (Bảy trăm ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ngày 14/02/2019, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 14/3/2019, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 625.000.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 16/4/2019, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 775.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 16/7/2019, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 1.075.000.000 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 16/8/2019, thực hiện ba giao dịch trả tiền lãi là tổng cộng là 1.075.000.000 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu đồng) (từ tài khoản của Công ty TNHH Du lịch và Sự kiện V chuyển đến tài khoản bà VTNT với nội dung: *Chị H gởi tiền nhà VTNT tháng 8*).

- Ngày 16/9/2019, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 1.025.000.000 đồng (Một tỷ không trăm hai mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 12/12/2019, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 1.150.000.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 15/01/2020, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 1.150.000.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 14/02/2020, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 1.150.000.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 15/4/2020, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 1.250.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 15/5/2020, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 1.250.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 17/6/2020, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 1.250.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 15/7/2020, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 21/7/2020, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

- Ngày 04/8/2020, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

- Ngày 14/8/2020, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

- Ngày 25/8/2020, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 15/9/2020, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 14/10/2020, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

- Ngày 19/11/2020, thực hiện một giao dịch trả tiền lãi là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

[4.2.1] Về giao dịch vay tiền 975.000.000 đồng ngày 19/12/2016:

Xét khoản vay 975.000.000 đồng ngày 19/12/2016 mà bà TTTH trả tiền lãi 35.000.000 đồng ngày 16/01/2017(số ngày vay là 29 ngày) có lãi suất [(35.000.000 x 365) : (975.000.000 đồng x 29] = 45,18%/năm, nên tại thời điểm 01/01/2017, xác định đây là hợp đồng đang được thực hiện theo quy định tại Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Lãi suất mà hai bên áp dụng thực hiện là không phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 nên áp dụng Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005, Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm, cần phải tính lại tiền lãi theo *lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố* là (9%/năm x 150% = 13,5%/năm), đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Đến ngày 16/10/2018, bà TTTH bắt đầu trả một phần tiền gốc là 5.500.000.000 đồng, trong đó có toàn bộ phần tiền gốc vay 975.000.000 đồng được trả nên tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc từ ngày 19/12/2016 đến ngày 16/10/2018 (666 ngày) là 975.000.000 đồng x (13,5% : 365) x 666 = 240.170.548 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu một trăm bảy mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng).

[4.2.2] Về các giao dịch vay tiền được xác lập sau ngày 01/01/2017:

Xét các bên có thỏa thuận và thực hiện trả tiền lãi nhưng mức lãi suất thỏa thuận áp dụng cao hơn mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho các giao dịch vay tiền sau ngày 01/01/2017 và theo yêu cầu của bà VTNT về tính lại tiền lãi theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải tính lại tiền lãi của nợ gốc còn thiếu và tiền lãi của tiền lãi trong hạn đến hạn chưa trả nếu có theo quy định tại khoản 5 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

Xét bị đơn bà TTTH đã được tống đạt thông báo thụ lý yêu cầu đòi tiền của bà VTNT cho các khoản vay xác lập sau ngày 01/01/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà VTNT đồng ý ngày kết thúc thời gian hợp lý cho yêu cầu đòi tiền là ngày xét xử sơ thẩm, nên áp dụng Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, xác định thời gian chậm trả tiền gốc, tiền lãi trên nợ gốc chưa trả bắt đầu tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong.

Tại thời điểm ngày 16/10/2018, tiền lãi phát sinh của các khoản vay được xác lập sau ngày 01/01/2017 tổng cộng là 4.543.526.847 đồng sau:

- Khoản vay ngày 06/02/2017, tiền lãi phát sinh là 230.572.055 đồng (Hai trăm ba mươi triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng).

- Khoản vay ngày 16/02/2017, tiền lãi phát sinh là 97.120.000 đồng (Chín mươi bảy triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

- khoản vay ngày 27/02/2017, tiền lãi phát sinh là 955.232.877 đồng (Chín trăm năm mươi lăm triệu hai trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng).

- khoản vay ngày 03/03/2017, tiền lãi phát sinh là 156.352.877 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu ba trăm năm mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng).

- khoản vay ngày 03/5/2017, tiền lãi phát sinh là 280.775.342 đồng (Hai trăm tám mươi triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng).

- khoản vay ngày 16/5/2017, tiền lãi phát sinh là 830.219.178 đồng (Tám trăm ba mươi triệu hai trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng).

- khoản vay ngày 20/6/2017, tiền lãi phát sinh là 518.728.765 đồng (Năm trăm mười tám triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng).

- khoản vay ngày 31/7/2017, tiền lãi phát sinh là 692.668.493 đồng (Sáu trăm chín mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng).

- khoản vay ngày 16/01/2018, tiền lãi phát sinh là 291.698.630 đồng (Hai trăm chín mươi mốt triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

- khoản vay ngày 15/3/2018, tiền lãi phát sinh là 114.863.014 đồng (Một trăm mười bốn triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng).

- khoản vay ngày 16/5/2018, tiền lãi phát sinh là 106.261.644 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu hai trăm sáu mốt nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

- khoản vay ngày 05/6/2018, tiền lãi phát sinh là 106.618.630 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu sáu trăm mười tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

- khoản vay ngày 30/7/2018, tiền lãi phát sinh là 20.515.068 đồng (Hai mươi triệu năm trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng).

- khoản vay ngày 31/7/2018, tiền lãi phát sinh là 126.575.342 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng).

- khoản vay ngày 01/8/2018, tiền lãi phát sinh là 15.324.932 đồng (Mười lăm triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi hai đồng).

Vậy đến ngày 16/10/2018, tổng tiền lãi phát sinh là: 240.170.548 đồng + 4.543.526.847 đồng = 4.783.697.395 đồng, và tiền vay gốc còn thiếu là: 22.594.500.000 đồng – 5.500.000.000 đồng – 975.000.000 đồng = 18.069.500.000 đồng.

Do ngày 17/12/2018, bà TTTH thực hiện trả một phần tiền gốc 1.000.000.000 đồng nên tiền lãi phát sinh của các khoản vay phát sinh sau cụ thể:

- tiền gốc còn thiếu đến ngày 16/10/2018 là 18.069.500.000 đồng, tiền lãi phát sinh là 613.867.945 đồng (Sáu trăm mười ba triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng).

- khoản vay ngày 29/10/2018, tiền lãi phát sinh là 37.589.041 đồng (Ba mươi bảy triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi mốt đồng).

- khoản vay ngày 30/10/2018, tiền lãi phát sinh là 215.671.233 đồng (Hai trăm mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

Đến ngày 17/12/2018, tổng số tiền lãi phát sinh là 4.783.697.395 đồng + 613.867.945 đồng + 37.589.041 đồng + 215.671.233 đồng = 5.650.825.614 đồng và số tiền gốc còn thiếu là 26.669.500.000 đồng.

Ngày 14/01/2019, bà TTTH thực hiện trả một phần tiền gốc là 1.500.000.000 đồng nên tiền lãi của tiền gốc còn thiếu 26.669.500.000 đồng từ ngày 17/12/2018 đến ngày 14/01/2019 là 409.175.890 đồng. Do đó, tổng số tiền lãi phát sinh đến ngày 14/01/2019 là 5.650.825.614 đồng + 409.175.890 đồng = 6.060.001.504 đồng (Sáu tỷ sáu mươi triệu một nghìn năm trăm lẻ bốn đồng), và tiền gốc còn thiếu là: 26.669.500.000 đồng – 1.500.000.000 đồng = 25.169.500.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ một trăm sáu mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 14/03/2019, một phần tiền gốc được trả là 1.500.000.000 đồng nên tiền lãi phát sinh của số tiền còn thiếu từ ngày 14/01/2019 đến ngày 14/03/2019 là:

- tiền gốc còn thiếu đến ngày 14/01/2019 là 25.169.500.000 đồng, tiền lãi phát sinh là 813.698.904 đồng (Tám trăm mười ba triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn chín trăm lẻ bốn đồng).

- khoản vay ngày 16/01/2019, tiền lãi phát sinh là 60.904.110 đồng (Sáu mươi triệu chín trăm lẻ bốn nghìn một trăm mười đồng).

- khoản vay ngày 13/02/2019, tiền lãi phát sinh là 15.461.370 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm sáu mươi mốt nghìn ba trăm bảy mươi đồng).

Đến ngày 14/3/2019, số tiền lãi phát sinh tổng cộng là: 6.060.001.504 đồng + 813.698.904 đồng + 60.904.110 đồng + 15.461.370 đồng = 6.950.065.888 đồng (Sáu tỷ chín trăm năm mươi triệu sáu mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi tám đồng) và tiền gốc còn thiếu là 26.592.500.000 đồng (Hai mươi sáu tỷ năm trăm chín mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Đến ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn bà TTTH vẫn không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc vay còn thiếu nên tiền lãi được phát sinh từ ngày 14/03/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 32.249.584.929 đồng, cụ thể:

- tiền gốc còn thiếu đến ngày 14/3/2019 là 26.592.500.000 đồng, tiền lãi phát sinh là 23.328.543.836 đồng (Hai mươi ba tỷ ba trăm hai mươi tám triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng).

- khoản vay ngày 17/4/2019, tiền lãi phát sinh là 1.717.260.274 đồng (Một tỷ bảy trăm mười bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng).

- khoản vay ngày 14/5/2019, tiền lãi phát sinh là 907.123.288 đồng (Chín trăm lẻ bảy triệu một trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng).

- khoản vay ngày 14/6/2019, tiền lãi phát sinh là 413.424.658 đồng (Bốn trăm mười ba triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng).

- khoản vay ngày 15/6/2019, tiền lãi phát sinh là 1.136.164.384 đồng (Một tỷ một trăm ba mươi sáu triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng).

- khoản vay ngày 17/6/2019, tiền lãi phát sinh là 804.575.342 đồng (Tám trăm lẻ bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng).

- khoản vay ngày 15/10/2019, tiền lãi phát sinh là 1.974.575.342 đồng (Một tỷ chín trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng).

- khoản vay ngày 16/11/2019, tiền lãi phát sinh là 111.287.671 đồng (Một trăm mười một triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi mốt đồng).

- khoản vay ngày 03/02/2020, tiền lãi phát sinh là 336.739.726 đồng (Ba trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng).

- khoản vay ngày 14/02/2020, tiền lãi phát sinh là 1.350.575.342 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng).

- khoản vay ngày 13/3/2020, tiền lãi phát sinh là 169.315.068 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng).

Đến ngày xét xử sơ thẩm, tổng số tiền lãi phát sinh trên tất cả khoản vay là 6.950.065.888 đồng + 32.249.584.929 đồng = 39.199.650.819 đồng (Ba mươi chín tỷ một trăm chín mươi chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn tám trăm mười chín đồng).

Như vậy, tổng số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hạn còn thiếu đến ngày xét xử sơ thẩm là 39.199.650.819 đồng – 24.327.500.000 đồng = 14.872.150.819 đồng (Mười bốn tỷ tám trăm bảy mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn tám trăm mười chín đồng) nên có căn cứ chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả tiền lãi còn thiếu.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà VTNT yêu cầu bà TTTH trả ngay cho bà VTNT và ông NTTT toàn bộ số tiền còn thiếu đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là: 37.949.500.000 đồng + 14.872.150.819 đồng = 52.821.650.819 đồng, trong đó: tiền gốc là 37.949.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 14.872.150.819 đồng và tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận phù hợp điểm b khoản 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 và còn phải chịu khoản tiền lãi của tiền lãi trong hạn đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị đơn bà TTTH phải chịu án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về dân sự là 160.822.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 63, Điều 68, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005; Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 463, khoản 5 Điều 466, Điều 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự số

91/2015/QH13 ngày 24/11/2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà VTNT.

1.1. Bà TTTH có trách nhiệm trả ngay cho bà VTNT và ông NTTT toàn bộ số tiền còn thiếu đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 52.821.650.819 đồng (Năm mươi hai tỷ tám trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi nghìn tám trăm mười chín đồng), trong đó tiền gốc là 37.949.500.000 đồng (Ba mươi bảy tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 14.872.150.819 đồng (Mười bốn tỷ tám trăm bảy mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn tám trăm mười chín đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà TTTH còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận phù hợp điểm b khoản 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 và còn phải chịu khoản tiền lãi của tiền lãi trong hạn đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí sơ thẩm:

2.1. Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về dân sự là 160.822.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng) bà TTTH phải chịu.

2.2. Hoàn cho bà VTNT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 85.640.000 đồng (Tám mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 00XXX19 ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý

do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Vân